

KẾT QUẢ KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 5 (TƯƠNG ĐƯƠNG C1 THEO CEFR)

(Kỳ kiểm tra lần thứ 06, ngày 11/12/2022)

(Ban hành theo Quyết định số 386/MYH23/VHU/QĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023)

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
1	VHU.TAC1.06.001	181A140332	Huỳnh Lý Văn	Anh	07/10/2000	Vĩnh Long	5.5	2.0	4.6	5.5	17.6	4.4	Rớt	BL: Nói: 5.5, Viết: 5.5
2	VHU.TAC1.06.002	171A140151	Trương Thị Hồng	Anh	13/12/1998	TP. Hồ Chí Minh	7.0	4.6	6.4	5.0	23.0	5.8	Đậu	BL: Viết: 5.0
3	VHU.TAC1.06.003	151A140766	Phạm Thị Vân	Anh	05/01/1997	Hải Dương	5.0	5.5	6.0	4.5	21.0	5.3	Đậu	BL: Nói: 5.0, Nghe: 5.5, Đọc: 6.0
4	VHU.TAC1.06.004	151A140391	Lê Thị Hồng	Đào	16/01/1997	Đồng Tháp	5.0	6.4	6.0	5.3	22.7	5.7	Đậu	
5	VHU.TAC1.06.005	181A140377	Đinh Thị Châu	Giang	01/11/2000	Đồng Nai	6.5	1.0	3.4	3.5	14.4	3.6	Rớt	
6	VHU.TAC1.06.006	181A140284	Lê Nguyễn Kiều	Giao	01/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	7.0	3.0	5.2	5.5	20.7	5.2	Đậu	
7	VHU.TAC1.06.007	181A140133	Vưu Thanh	Hiếu	23/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	6.0	2.1	2.7	1.0	11.8	3.0	Rớt	
8	VHU.TAC1.06.008	181A140460	Vũ Thị Lan	Hương	25/05/2000	TP. Hồ Chí Minh	5.5	2.3	2.2	3.5	13.5	3.4	Rớt	
9	VHU.TAC1.06.009	161A140306	Đồng Thuý	Hương	23/03/1998	TP. Hồ Chí Minh	5.0	1.3	3.9	2.8	13.0	3.3	Rớt	BL: Nói: 5.0
10	VHU.TAC1.06.010	171A140227	Bùi Mộng	Kha	26/08/1998	TP. Hồ Chí Minh	7.0	0.0	2.0	4.8	13.8	3.5	Rớt	BL: Nói: 7.0
11	VHU.TAC1.06.011	181A140310	Đoàn Huỳnh Phi	Khanh	04/01/2000	Kiên Giang	5.0	5.0	4.5	6.3	20.8	5.2	Đậu	BL: Nói: 5.0, Nghe: 5.0
12	VHU.TAC1.06.012	181A140114	Phan Thị Mỹ	Lệ	08/08/2000	Ninh Thuận	3.0	2.0	5.5	4.0	14.5	3.6	Rớt	
13	VHU.TAC1.06.013	171A140124	Trịnh Thị Mỹ	Linh	18/08/1999	Đắk Lắk					0.0	0.0	Rớt	Vắng
14	VHU.TAC1.06.014	181A140142	Nguyễn Thị Thanh	Loan	17/07/2000	Hồ Chí Minh	6.5	5.3	7.6	5.8	25.2	6.3	Đậu	
15	VHU.TAC1.06.015	181A140101	Son Kim	Lộc	20/08/2000	Bình Thuận					0.0	0.0	Rớt	Vắng
16	VHU.TAC1.06.016	181A140143	Lê Nguyễn Phi	Long	24/08/2000	TP. Hồ Chí Minh	8.0	8.1	7.3	6.8	30.2	7.6	Đậu	
17	VHU.TAC1.06.017	181A140327	Nguyễn Văn	Nam	23/08/2000	Đồng Tháp					0.0	0.0	Rớt	Vắng
18	VHU.TAC1.06.018	208A140008	Nguyễn Chấn	Nam	19/05/1993	Thanh Hoá	6.5	3.3	3.6	3.0	16.4	4.1	Rớt	
19	VHU.TAC1.06.019	181A140343	Lê Thị Kim	Ngân	17/09/2000	An Giang	5.0	5.6	4.1	4.0	18.7	4.7	Rớt	BL: Nói: 5.0
20	VHU.TAC1.06.020	181A140121	Phan Thị Thanh	Ngân	30/11/2000	Tiền Giang	1.0	0.3	2.1	0.3	3.7	0.9	Rớt	
21	VHU.TAC1.06.021	181A140222	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	04/03/2000	Nam Định	5.0	3.6	3.5	2.8	14.9	3.7	Rớt	BL: Nói: 5.0
22	VHU.TAC1.06.022	181A140113	Nguyễn Phan Hoài	Nhi	19/10/2000	Ninh Thuận	4.5	1.3	2.1	0.5	8.4	2.1	Rớt	
23	VHU.TAC1.06.023	181A140163	Vũ Thị Hà	Nhi	09/09/2000	Hà Nội	6.0	2.5	3.5	3.0	15.0	3.8	Rớt	
24	VHU.TAC1.06.024	181A140388	Lê Thị Hồng	Nhung	23/02/2000	Tây Ninh	6.0	2.0	4.6	3.0	15.6	3.9	Rớt	
25	VHU.TAC1.06.025	181A140197	Hồ Hồng	Nhung	14/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	5.5	5.5	3.8	4.3	19.1	4.8	Rớt	BL: Nói: 5.5, Nghe: 5.5
26	VHU.TAC1.06.026	181A140360	A	Nus	06/08/2000	Kon Tum	5.5	4.8	7.0	4.5	21.8	5.5	Đậu	BL: Nói: 5.5
27	VHU.TAC1.06.027	181A140359	A	Nut	27/07/1999	Kon Tum	5.0	4.1	4.2	5.8	19.1	4.8	Rớt	BL: Nói: 5.0
28	VHU.TAC1.06.028	171A140182	Lý Minh	Phát	05/08/1999	TP. Hồ Chí Minh	6.0	0.3	3.4	2.3	12.0	3.0	Rớt	BL: Nói: 6.0
29	VHU.TAC1.06.029	181A140221	Lê Thiên	Phú	20/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	6.5	2.8	2.8	2.0	14.1	3.5	Rớt	
30	VHU.TAC1.06.030	191A140092	Nguyễn Phạm Hồng	Phúc	12/12/2001	Đồng Nai	6.5	3.6	4.1	2.3	16.5	4.1	Rớt	
31	VHU.TAC1.06.031	181A140030	Nguyễn Thành	Phúc	24/01/1999	TP. Hồ Chí Minh	6.0	3.0	2.0	1.3	12.3	3.1	Rớt	
32	VHU.TAC1.06.032	171A140205	Nguyễn Đăng	Quang	25/11/1996	Vĩnh Long	5.0	3.3	3.6	1.5	13.4	3.4	Rớt	
33	VHU.TAC1.06.033	181A140022	Nguyễn Ngọc	Sương	05/04/2000	Tây Ninh	6.5	0.0	3.4	2.3	12.2	3.1	Rớt	
34	VHU.TAC1.06.034	181A140202	Lâm Văn	Thanh	25/12/2000	Tây Ninh	4.0	2.3	5.2	0.5	12.0	3.0	Rớt	
35	VHU.TAC1.06.035	191A140185	Trần Thị	Thào	14/10/2000	Đắk Lắk					0.0	0.0	Rớt	Vắng
36	VHU.TAC1.06.036	181A140312	Nguyễn Trung	Thiện	13/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	7.5	7.4	7.6	7.0	29.5	7.4	Đậu	
37	VHU.TAC1.06.037	181A140108	Hoàng Thị	Thương	01/08/2000	Quảng Bình	5.5	5.5	1.1	2.3	14.4	3.6	Rớt	BL: Nghe: 5.5
38	VHU.TAC1.06.038	171A140079	Nguyễn Thị Anh	Thúy	13/06/1998	Tiền Giang					0.0	0.0	Rớt	Vắng
39	VHU.TAC1.06.039	191A140262	Trần Bích	Trà	20/02/2001	Gia Lai	7.5	5.8	4.5	7.3	25.1	6.3	Đậu	

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
40	VHU.TAC1.06.040	181A140132	Tô Thùy	Trang	06/08/2000	TP. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
41	VHU.TAC1.06.041	171A140141	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	22/07/1999	TP. Hồ Chí Minh	5.0	1.7	1.1	1.8	9.6	2.4	Rớt	BL: Nói: 5.0
42	VHU.TAC1.06.042	181A140060	Ngô Mỹ	Trang	17/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	5.0	4.1	6.2	5.5	20.8	5.2	Đậu	BL: Nói: 5.0, Viết: 5.5
43	VHU.TAC1.06.043	161A030205	Huỳnh Thị Thu	Trang	26/07/1998	TP. Hồ Chí Minh	7.5	3.3	3.1	1.8	15.7	3.9	Rớt	
44	VHU.TAC1.06.044	151A140472	Lê Quốc	Trọng	09/02/1997	Bình Định	6.0	2.6	1.1	1.8	11.5	2.9	Rớt	
45	VHU.TAC1.06.045	161A140189	Lê Ngô Thanh	Trúc	03/01/1998	TP. Hồ Chí Minh	6.5	3.3	4.2	2.0	16.0	4.0	Rớt	
46	VHU.TAC1.06.046	171A140064	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	31/08/1999	TP. Hồ Chí Minh	7.0	5.3	3.9	5.3	21.5	5.4	Đậu	
47	VHU.TAC1.06.047	181A140508	Đoàn Thị Thu	Uyên	01/05/2000	An Giang	5.0	6.9	2.5	3.0	17.4	4.4	Rớt	BL: Nói: 5.0
48	VHU.TAC1.06.048	171A140353	Siu La	Va	24/08/1999	Kon Tum	7.0	3.3	2.5	1.8	14.6	3.7	Rớt	
49	VHU.TAC1.06.049	161A140183	Cao Thị Hồng	Vân	19/10/1998	Long An	4.5	4.0	5.0	4.5	18.0	4.5	Rớt	
50	VHU.TAC1.06.050	181A140153	Tô Thị Thuý	Vi	24/10/2000	Kiên Giang	5.0	7.5	6.7	3.3	22.5	5.6	Đậu	BL: Nghe: 7.5
51	VHU.TAC1.06.051	161A030526	Trần Quốc	Vũ	01/12/1997	TP. Hồ Chí Minh					0.0	0.0	Rớt	Vắng
52	VHU.TAC1.06.052	181A140210	Nguyễn Duy	Vũ	22/05/2000	Bình Thuận					0.0	0.0	Rớt	Vắng
53	VHU.TAC1.06.053	181A140035	Nguyễn Trường	Vũ	12/01/2000	Đồng Nai	5.5	3.6	0.6	0.0	9.7	2.4	Rớt	
54	VHU.TAC1.06.054	151A140619	Nguyễn Thị Thuý	Vy	10/09/1997	Gia Lai	7.0	4.0	5.0	2.0	18.0	4.5	Rớt	
55	VHU.TAC1.06.055	181A140149	Nguyễn Trần Phương	Vy	26/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	5.0	1.3	1.4	2.5	10.2	2.6	Rớt	
56	VHU.TAC1.06.056	171A140194	Huỳnh Thị Kim	Xuân	22/09/1999	Đồng Nai	5.0	2.3	1.7	1.3	10.3	2.6	Rớt	BL: Nói: 5.0
57	VHU.TAC1.06.057	181A140068	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	29/04/2000	Tiền Giang	7.0	4.6	4.2	5.0	20.8	5.2	Đậu	
58	VHU.TAC1.06.058	181A140412	A	Xuyên	20/06/1998	Kon Tum	5.5	7.3	6.7	5.0	24.5	6.1	Đậu	BL: Nói: 5.5, Viết: 5.0
59	VHU.TAC1.06.059	191A140036	Lênh Ngọc	Yến	13/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	6.0	6.3	3.9	5.3	21.5	5.4	Đậu	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 59
Số thí sinh dự kiểm tra: 51
Số thí sinh vắng kiểm tra: 08
Số thí sinh rớt: 35
Số thí sinh đậu: 16

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. NGUYỄN MINH ĐỨC